

Bản án số: 113/2018/HSST
Ngày 12-9-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thường Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Nga.

Ông Võ Hoàng Thu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Phúc – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 111/2018/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 131/2018/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lê Thanh H, sinh năm 1971 tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 308/14 N, Phường 4, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi sinh sống: 304 Lô C, Chung cư P, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Phật; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị C; bị cáo chưa có vợ con; ;

Tiền án: Ngày 02/5/2013 bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 58/2013/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/01/2014 nhưng chưa nộp tiền phạt bổ sung 7.000.000 đồng và nộp lại 300.000 đồng để sung quỹ nhà nước (chưa được xóa án tích);

Tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 10/4/2006 bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số

115/2006/HSST (đã được xóa án tích);

- Ngày 22/01/2003 Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 20/2003/HSST (đã được xóa án tích);

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 22/5/2018 đến nay;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

2. Nguyễn Văn Thanh T, sinh năm 1979 tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 597/8 T, Phường 12, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi sinh sống: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Chạy xe ôm; trình độ học vấn: 00/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D; bị cáo chưa có vợ con; tiền án: Không; tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 27/02/2009 bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 28/2009/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2014 và đã thi hành xong tiền án phí, tiền phạt vào tháng 6/2011 (đã được xóa án tích);

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 22/5/2018 đến nay;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa;

* Bị hại: Ông Trần Thanh L, sinh năm 1973 – vắng mặt.

Nơi cư trú: 137/84A, Phường 2, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Kim D, sinh năm 1986 – vắng mặt.

Nơi cư trú: 36 Đ, Phường 3, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

* Người làm chứng: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1967 – vắng mặt.

Nơi cư trú: C2/2 ấp 4, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 00 phút, ngày 22/5/2018, Lê Thanh H gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn Thanh T đến chợ đầu mối Bình Điền hát đám tang kiếm tiền tiêu xài. T đồng ý và điều khiển xe mô tô biển số 59D1-855.51 đến nhà đón H. Khi T điều khiển xe chở H trên đường Nguyễn Văn Linh (hướng ra Quốc lộ 1) đến gần cầu Xóm Củi trước nhà số C12/17A1 tổ 193, ấp 4, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh thì T phát hiện ông Trần Thanh L đang ngồi ngủ gục trên xe mô tô biển số 53P1-2514 sát bên lề phải đường nên lấy tay trái chạm vào chân trái của H nhằm mục đích chỉ cho H thấy và rủ H lấy trộm tài sản L, H đồng ý nên T điều khiển xe qua khỏi vị trí L khoảng 5 mét thì dừng

xe lại cho H xuống xe. T điều khiển xe chạy ngược ra phía sau xe L khoảng 5 mét để cảnh giới. Lúc này, H đi bộ đến gần L, phát hiện 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu trắng nằm ở dưới đất bên trái xe L, H nghĩ đây là điện thoại của L đánh rơi nên nhặt lấy bỏ vào túi quần bên trái và tiếp tục đi ra phía sau dùng tay trái lấy trong túi quần sau bên phải L lấy 01 ví da. Sau khi lấy trộm tài sản, H ra hiệu cho T chạy xe đến và mở ví cho T xem thấy tiền bên trong rồi H lên xe cho T điều khiển tẩu thoát thì L tỉnh dậy phát hiện mất tài sản nên tri hô. T tăng ga điều khiển xe chạy lên cầu Xóm Củi hướng về Quận 8. Lúc này, tổ trinh sát của Công an Quận 10 đang tuần tra phát hiện nên cùng L và người dân truy đuổi theo T, H. Khi đến bãi đất trống thuộc khu A35 tổ 58, ấp 1A, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh, H ném bỏ cái ví da vừa lấy trộm được xuống đất, đồng thời đưa điện thoại di động hiệu Samsung cho T cất giữ vào túi áo khoác. Khi đến trước nhà số 003C/CA2 Bình Đăng, Phường 6, Quận 8 thì cả hai bị bắt đưa về Công an xã Bình Hưng lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. Qua chỉ điểm, H đã xác định nơi vớt cái ví của L, Công an xã tiến hành thu giữ vật chứng là cái ví bên trong có số tiền 3.100.000 đồng và 01 căn cước công dân mang tên Trần Thanh L và 01 điện thoại di động hiệu Samsung, đồng thời lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Lê Thanh H và Nguyễn Văn Thanh T khai nhận toàn bộ hành vi như trên.

Căn cứ bản Kết luận định giá về tài sản số 1123/HĐĐG-TTHS-TCKH ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định: 01 Điện thoại di động hiệu Samsung giá 324.500 đồng, 01 ví da màu đen hiệu Valentino giá 210.000 đồng.

Về vật chứng:

- Số tiền 3.100.000 đồng, 01 Điện thoại di động hiệu Samsung và 01 ví da màu đen hiệu Valentino, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã giao trả cho ông L vào ngày 06/7/2018.

- 01 xe mô tô biển số 59D1-855.51, qua xác minh do Nguyễn Văn Thanh T đứng tên chủ sở hữu. T đã bán xe trên cho bà Võ Kim D với giá 10.000.000 đồng, sau đó T thuê xe lại bà D để chạy xe ôm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã giao trả xe lại cho bà D vào ngày 19/7/2018.

Về dân sự: Bị hại ông Trần Thanh L đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại bản cáo trạng số 108/CT-VKS-BC ngày 02 tháng 8 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Thanh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo Nguyễn Văn Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Thanh H và áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn Thanh T;

Xử phạt bị cáo Lê Thanh H từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Thanh T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Ghi nhận bị hại không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại và ghi nhận vật chứng đã được xử lý xong.

Các bị cáo Lê Thanh H, Nguyễn Văn Thanh T khai nhận hành vi như trên và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy lời khai tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, vật chứng của vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Khi thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản trên, các bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vì tham lam, vụ lợi, muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu xài nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản các bị cáo chiếm đoạt của bị hại trị giá 3.634.500 đồng.

[3] Trong vụ án này các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn không có sự cấu kết chặt chẽ. T là người khởi xướng, đứng cảnh giới và chở H tẩu thoát sau khi chiếm đoạt được tài sản của bị hại; còn H là người trực tiếp lên lút chiếm đoạt tài sản của bị hại. Xét về nhân thân, cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu:

Ngày 22/01/2003 bị cáo H bị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 20/2003/HSST (đã được xóa án tích); ngày 10/4/2006 bị cáo H bị Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 04 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 115/2006/HSST (đã được xóa án tích) và ngày 02/5/2013 bị cáo H bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” theo Bản án số 58/2013/HSST (thuộc trường hợp tái phạm), chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/01/2014 nhưng bị cáo H chưa nộp tiền phạt bổ sung 7.000.000 đồng và nộp lại 300.000 đồng để sung quỹ nhà nước. Tính đến lần phạm tội này bị cáo H chưa được xóa án tích

đối với Bản án số 58/2013/HSST mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” là tình tiết định khung tăng nặng đối với bị cáo H được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Riêng đối với bị cáo T cũng bị Tòa án nhân dân Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 28/2009/HSST ngày 27/02/2009, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2014 và đã thi hành xong tiền án phí, tiền phạt vào tháng 6/2011 (đã được xóa án tích) nhưng không biết ăn năn hối cải mà lại tiếp tục phạm tội, thể hiện sự xem thường pháp luật.

[4] Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lê Thanh H phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và bị cáo Nguyễn Văn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và xét thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm, buộc các bị cáo pH chấp hành hình phạt tù trong một khoản thời gian nhất định để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản bị chiếm đoạt có giá trị không lớn, đã được thu hồi giao trả cho bị hại; đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo được quy định tại điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[6] Về vật chứng vụ án: Số tiền 3.100.000 đồng, 01 Điện thoại di động hiệu Samsung và 01 ví da màu đen hiệu Valentino thuộc quyền sở hữu của ông Trần Thanh L; 01 xe mô tô biển số 59D1-855.51, qua xác minh do Nguyễn Văn Thanh T đứng tên chủ sở hữu, T đã bán xe trên cho bà Võ Kim D với giá 10.000.000 đồng, sau đó T thuê xe lại bà D để chạy xe ôm nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đã giao trả lại các tài sản trên cho ông L và bà D nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét chấp nhận đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về tội danh, hình phạt đối với bị cáo cũng như ghi nhận phần dân sự và vật chứng đã giải quyết xong.

[10] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng và đầy đủ các hành vi, quyết định tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thanh H, Nguyễn Văn Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Lê Thanh H;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn Thanh T;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xử phạt bị cáo Lê Thanh H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/5/2018.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Thanh T 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 22/5/2018.

Ghi nhận bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh;
- Công an huyện Bình Chánh;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- PC 53- Công an TPHCM;
- Sở tư pháp TPHCM;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hs;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thường Đông

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: 16/2017/HS-ST).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi pH ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xoá án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xoá. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không pH là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì pH ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không pH là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho

đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì pH có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này pH lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm pH giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)